

Số: 688 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 05 tháng 9 năm 2018

## THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày  
(Từ ngày 30/8 – 05/9/2018)

### I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

#### 1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,6– 28,6°C; Cao nhất: 33,4°C; Thấp nhất: 22,5°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 79 – 87%; Thấp nhất: 52%.
- Tổng số giờ nắng: 72 – 81 giờ. Lượng mưa: 4 – 103 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây. Ngày nắng gián đoạn, trưa chiều có mưa rải rác, có nơi mưa vừa, mưa to.

Trên địa bàn huyện Tân Phú tình hình mưa nhiều và thủy điện Đa Nhim xả lũ khiến 543 ha lúa đang trong giai đoạn trổ chín bị ngập (Lúa bị ngập toàn bộ cây đã 7 ngày). Các loại cây trồng khác sinh trưởng và phát triển bình thường.

#### 2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

##### Cây lúa:

Vụ Hè Thu: Diện tích 22.826 ha chủ yếu giai đoạn trổ-chín, thu hoạch.

Vụ Mùa: Xống giống 3.335 ha/25.233 ha. Các giống chủ yếu là: OM 7347, OM 4900, VD 20, MTL 110, Đài thơm 8, ...

##### Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Trái-thu hoạch	16.936/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Thu hoạch	10.415
Xoài	Phát triển thân lá	11.833
Chuối	Các giai đoạn	5.762
Sầu riêng	Thu hoạch	3.797
Tiêu	Nuôi trái	17.087
Điều	Phát triển thân lá	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172
Khoai mì	Phát triển củ	10.826

## II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. **Trên cây lúa:** Diện tích lúa Hè Thu phần lớn đã thu hoạch nên các SVH có xu hướng giảm: Bệnh đạo ôn cổ bông DTN 45 ha giảm 83 ha, bệnh bạc lá (cháy bìa) DTN 210 ha giảm 138 ha. Lúa vụ Mùa mới gieo sạ SVH chủ yếu là ốc bươu vàng DTN 274 ha tăng 129 ha.

### 2. Cây trồng khác

Thời tiết ngày nắng gián đoạn, chiều tối mưa nhiều tạo điều kiện cho một số loại nấm, bệnh do vi khuẩn phát triển, các loại sâu có xu hướng giảm. Nông dân chủ động phòng trừ nên DTN các loại sâu bệnh nhìn chung giảm so với kỳ trước.

- Cây bắp, rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 285 ha giảm 22 ha, bệnh loét DTN 54 ha tăng 18 ha do thời tiết mưa nhiều thuận lợi cho bệnh phát triển và hạn chế sâu.

+ Chôm chôm: Bệnh cháy mép lá DTN 114 ha tăng 7 ha do thời tiết nóng, ẩm tạo điều kiện cho nấm gây bệnh phát triển.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 464 ha giảm 15 ha, bệnh nấm hồng DTN 199 ha giảm 30 ha do nông dân chú trọng phòng trừ bệnh.

- Cây công nghiệp:

+ Cây hồ tiêu: Bệnh chết chậm DTN 647 ha giảm 311 ha trong đó có 3 ha nhiễm nặng, bệnh tuyến trùng DTN 301 ha giảm 247 ha, nhìn chung SVH giảm do một số diện tích nhiễm trên cây già cỗi, nông dân đã phá bỏ.

+ Cây điều: Sâu bệnh trên cây điều tăng so với kỳ trước do cây điều đang trong giai đoạn phát triển thân lá, nông dân chưa chú trọng chăm sóc, ngoài ra thời tiết mưa nhiều tạo điều kiện bệnh nấm hồng phát triển, cụ thể: Sâu đục thân, cành DTN 408 ha tăng 2 ha, bệnh nấm hồng DTN 106 ha tăng 1 ha.

+ Cây mì:

Bộ phận DTN 526 ha không thay đổi so với kỳ trước, nông dân đã thực hiện phun thuốc trừ bộ phận nhằm hạn chế lây nhiễm bệnh khảm lá.

Bệnh khảm lá virus DTN 361,25 ha không với kỳ trước, trong đó có 65,55 ha nhiễm nhẹ, 103,8 ha nhiễm trung bình, 191,9 ha nhiễm nặng; DTN tại các huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom, Nhơn Trạch.

## III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Ốc bươu vàng, Rầy nâu, VL - LXL, đạo ôn, chuột.

- Cây rau: Sâu tơ, bệnh đốm vàng, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mũ, bệnh thối trái, bệnh nấm hồng (sâu riêng); bệnh cháy gôm, bệnh loét (cây có múi); bệnh thối trái trái (chôm chôm).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bệnh nấm hồng, bệnh thán thư (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bọ phấn, bệnh khảm lá (mì).

#### IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số công văn số 4239/BNN-BVTV, ngày 4/6/2018 về việc tăng cường phòng chống rầy nâu, bệnh VL, LXL hại lúa của Bộ NN&PTNT.

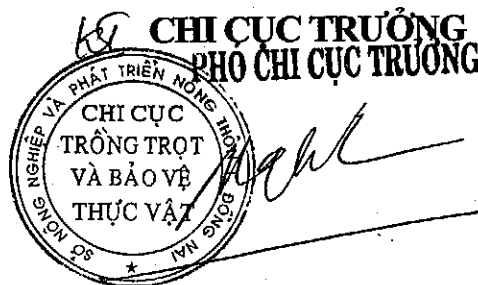
- Cây mì: Tăng cường điều tra, phát hiện diện tích nhiễm bệnh khảm lá. Tiến hành phun thuốc trừ bọ phấn trắng trên cây mì và khoanh vùng diện tích bị nhiễm tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng. Thực hiện tốt công văn số 4142/BNN-BVTV, ngày 30/5/2018 về việc Phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn của Bộ NN&PTNT.

- Tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trên cây thanh long (đốm nâu), hồ tiêu (chết nhanh, chết chậm), điều (thán thư), thối trái (chôm chôm, sâu riêng).

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo. /

#### Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Công Tú



**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH**  
(Từ ngày 30/8 đến ngày 05/9/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước	Số CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Ra lộc-Lá non	3 - 10		283	2	0	285	0	-15.0	115.0	216	Định Quán, Xuân Lộc, Vĩnh Cửu, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh sọc	Ra lộc-Lá non	5 - 8		55	1	0	56	0	9.0	26.0	112	Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú, Trảng Bom
	Bệnh loét	Ra lộc-Lá non	5		54	0	0	54	0	18.0	-43.0	119	Vĩnh Cửu, Tân Phú
Chôm chôm	Bệnh cháy mép lá	Thu hoạch	10		111	3	0	114	0	7.0	62.0	24	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Thống Nhất, Định Quán, Tân Phú
	Bệnh muội đen	Thu hoạch	5 - 10		24	1	0	25	0	-4.0	11.0	8	Trảng Bom, Thống Nhất
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		109	6	0	115	0	2.0	56.0	40	Trảng Bom, Thống Nhất
Dừa	Đuông	Các giai đoạn	10		25	0	0	25	0	5.0	25.0	30	Nhon Trạch
	Bọ cánh cứng	Các giai đoạn	5		10	0	0	10	0	-5.0	10.0	30	Nhon Trạch
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi trái	5		30	0	0	30	0	0.0	30.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	0.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gân	Các giai đoạn	5 - 10		464	0	0	464	0	-15.0	205.0	184	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		305	0	0	305	0	4.0	192.0	108	Cầm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	10 - 15		199	0	0	199	0	-30.0	128.0	86	Cầm Mỹ, Tân Phú, TX Long Khánh
Thanh Long	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10		73	19	5	97	0	-2.0	-27.0	0	Trảng Bom, Xuân Lộc
Xoài	Bệnh cháy lá	Các giai đoạn	6 - 7		200	0	0	200	0	31.0	127.0	250	Xuân Lộc, Vĩnh Cửu
	Sâu đục cành	Các giai đoạn	5		178	0	0	178	0	38.0	133.0	0	Định Quán

Ca cao	Bọ xít muối	Ra lộc, bông, trái	10 - 17		36	0	0	36	0	33.0	8.0	30	Thông Nhất, Trảng Bom
	Bệnh vệt sọc đen	Ra lộc, bông, trái	6		21	0	0	21	0	21.0	12.0	21	Thông Nhất
Cà phê	Bệnh gỉ sắt	Nuôi trái	10 - 20		713	9	0	722	0	9.0	179.0	58	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thông Nhất, Tân Phú
	Bệnh đốm mắt cua	Nuôi trái	15		425	2	0	427	0	5.0	-49.0	12	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh khô cành	Nuôi trái	13 - 15		358	12	0	370	0	68.0	75.0	16	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thông Nhất
Cao su	Bệnh phấn trắng	Các giai đoạn	13		452	1	0	453	0	-28.0	163.0	0	Cầm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	7 - 20		342	2	0	344	0	-92.0	191.0	149	Cầm Mỹ, Tân Phú, Long Thành, Thông Nhất, Trảng Bom
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 10		405	3	0	408	0	2.0	74.0	25	Cầm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thông Nhất
	Bệnh nấm hồng	Các giai đoạn	15 - 16		106	0	0	106	0	1.0	21.0	0	Cầm Mỹ, Định Quán
Hồ tiêu	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 6		861	46	0	907	0	40.0	87.0	64	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Long Thành, Thông Nhất, Tân Phú, Định Quán
	Bệnh chét chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	615	29	3	647	0	-311.0	5.0	139	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Tân Phú, Thông Nhất, TX Long Khánh, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 13	22	431	17	1	449	0	-157.0	-27.0	18	Cầm Mỹ, Trảng Bom, Định Quán, TX Long Khánh, Tân Phú
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 9	22	249	47	5	301	0	-247.0	-212.0	104	Trảng Bom, TX Long Khánh, Thông Nhất
	Bệnh chét nhanh	Các giai đoạn	2 - 8	4 - 15	144	9	2	155	0	1.0	-3.0	63	Cầm Mỹ, Thông Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
	Bọ xít lười	Các giai đoạn	5 - 15		112	0	0	112	0	4.0	36.0	3	Cầm Mỹ, Thông Nhất
Mía	Sâu đục thân	Các giai đoạn	5 - 10		138	0	0	138	0	0.0	130.0	0	Nhon Trạch, Trảng Bom
Sắn (Mi)	Bọ phấn	Các giai đoạn	5		526	0	0	526	0	0.0	526.0	0	Long Thành
	Bệnh vi khuẩn	Nuôi củ	5 - 10		406	0	0	406	0	169.0	149.0	120	Xuân Lộc, Long Thành,



													Nhon Trạch, Trảng Bom
	Khảm lá virus	Các giai đoạn	.1 - 100	80	65.55	103.8	191.9	<b>361.25</b>	0	0.0	361.3	423	Vĩnh Cửu, Định Quán, Xuân Lộc, Nhon Trạch, Trảng Bom
	Đốm nâu	Nuôi củ	5		93	0	0	<b>93</b>	0	93.0	93.0	0	Long Thành
	Oc bươu vàng	Mạ	1 - 3		269	5	0	<b>274</b>	0	129.0	-166.0	210	Trảng Bom, Tân Phú, Long Thành, Vĩnh Cửu, Thống Nhất
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Trở, chín-Thu hoạch	10 - 20	30	200	10	0	<b>210</b>	0	-138.0	183.0	10	Xuân Lộc, TX Long Khánh, Nhon Trạch
	Bệnh đạo ôn lá	Trở, chín	5 - 10		129	3	0	<b>132</b>	0	-220.0	76.0	7	Xuân Lộc, TX Long Khánh, Trảng Bom, Tân Phú
	Bệnh khô vằn	Trở, chín	5 - 20		66	0	0	<b>66</b>	0	-113.0	48.0	0	Nhon Trạch, Xuân Lộc, Trảng Bom
	Bệnh đạo ôn cổ bông	Trở, chín	4	8	35	10	0	<b>45</b>	0	-83.0	25.0	150	Nhon Trạch
Bầu bí	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	20		4	0	0	<b>4</b>	0	0.0	-1.0	2	Nhon Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	10		4	0	0	<b>4</b>	0	2.0	-1.0	0	Nhon Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh gỉa sưng mai	Các giai đoạn	5 - 10		16	1	0	<b>17</b>	0	2.0	17.0	2	Trảng Bom, Nhon Trạch
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		12	2	0	<b>14</b>	0	-2.0	-5.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10		7.5	0.5	0	<b>8</b>	0	3.0	-6.0	3	Nhon Trạch, Trảng Bom
Rau cải ăn lá	Sâu tơ	Các giai đoạn	10		12.6	0	0	<b>12.6</b>	0	-10.4	7.6	6.6	Định Quán, Tân Phú, TP Biên Hòa
	Bọ nhậy	Các giai đoạn	10 - 12		12	0	0	<b>12</b>	0	-1.0	-9.0	6	Tân Phú, Định Quán, Trảng Bom, TP Biên Hòa
Rau muống	Sâu khoang	Các giai đoạn	5		3.5	0.5	0	<b>4</b>	0	1.0	-1.0	0	Trảng Bom
	Sâu xanh	Các giai đoạn	5		2.5	0.5	0	<b>3</b>	0	1.0	0.0	0	Trảng Bom
Rau thập tự	Bọ nhậy	Các giai đoạn	17		1	0	0	<b>1</b>	0	0.0	1.0	1	TP Biên Hòa